

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI
TẠI KHU LÁNG RUỐC, XÃ NGŨ LÃO, HUYỆN THỦY NGUYÊN

Hải Phòng, năm 2023

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

**BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**
CỦA DỰ ÁN XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI TẠI KHU
LÁNG RUỐC, XÃ NGŨ LÃO, HUYỆN THỦY NGUYÊN (GIAI ĐOẠN 2)

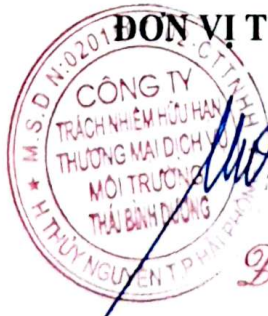
CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Hào

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



GIÁM ĐỐC

Đào Thị Chao

Hải Phòng, năm 2023

TÓM TẮT BÁO CÁO ĐTM CỦA DỰ ÁN

“Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu Láng Ruốc, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên (Giai đoạn 2)”.

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: “Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu Láng Ruốc, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên (Giai đoạn 2)”.

- Tên chủ dự án: Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- Đại diện chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thủy Nguyên

+ Địa chỉ liên hệ: thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

+ Người đại diện: Ông Phạm Văn Hào; Chức vụ: Giám đốc

+ Điện thoại: 0225.3874148

- Tiến độ thực hiện Dự án: năm 2023 đến 2025.

1.2. Vị trí địa lý của dự án

Dự án được triển khai tại khu đất thuộc địa bàn xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có các mặt tiếp giáp:

+ Phía Bắc giáp lô N11 (theo quy hoạch);

+ Phía Nam giáp đường quy hoạch (theo quy hoạch);

+ Phía Đông giáp đường quy hoạch (theo quy hoạch);

+ Phía Tây đường quy hoạch (theo quy hoạch);

Tọa độ mốc giới khu đất thực hiện dự án được thống kê trong bảng sau:

Bảng 1. Tọa độ mốc giới khu đất thực hiện dự án

STT	Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)	
	X(m)	Y(m)
1	2316212.765	601350.5398
2	2316260.698	601329.361
3	2316360.432	601600.3985
4	2316326.3939	601615.453



Hình 1. Vị trí dự án

1.3. Mục tiêu; loại hình, quy mô và quy trình hoạt động của dự án

1.3.1. Mục tiêu

- Xây dựng mới khu dân cư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm các hạng mục: đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp nước, hệ thống điện chiếu sáng... trên diện tích 1,3 ha tại xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên.

- Làm cơ sở để triển khai dự án đầu tư xây dựng, thực hiện quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Tăng cường quỹ đất, đáp ứng nhu cầu về đất ở tăng nguồn thu từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất cho thành phố nói chung và huyện Thủy Nguyên nói riêng.

- Từng bước hoàn thiện việc xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch phát triển nông thôn của thành phố nói chung và huyện Thủy Nguyên nói riêng.

1.3.2. Loại hình, quy mô và quy trình hoạt động của dự án

a) **Loại hình dự án:** Đây là dự án đầu tư xây dựng mới khu dân cư

b) **Diện tích và quy mô dự án:**

- Tổng diện tích của dự án là 12.972,9 m².

- Quy mô dân số: 216 người, 54 hộ.

Bảng 2. Tổng hợp quy mô sử dụng đất của Dự án

TT	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ
		(m ²)	(%)
1	Đất ở	4.373,4	33,7
2	Đất cây xanh	1.318,6	10,2
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	50,0	0,4
4	Đất giao thông	7.230,9	55,7
	Tổng diện tích quy hoạch	12.972,9	100,0

c) **Quy trình hoạt động của dự án**

Đây là dự án xây dựng khu dân cư quy trình hoạt động của dự án chỉ bao gồm các hoạt động phục vụ sinh hoạt hàng ngày của người dân cư: phương tiện giao thông đi lại, nấu nướng, sinh hoạt hàng ngày, giải trí, chăm sóc cây xanh, cây quan.

1.2.4. Nguyên nhiên vật liệu

a) **Nguyên, nhiên vật liệu**

Nhu cầu nhiên, nguyên vật liệu dự kiến sử dụng trong giai đoạn vận hành dự án được ước tính như sau:

Bảng 3. Nhu cầu nguyên nhiên vật liệu giai đoạn hoạt động

TT	Tên hóa chất	Định mức (g/m ³)	Khối lượng cho 42 m ³ (g/ngày)	Mục đích sử dụng
1	Natri hydro cacbonat (NaHCO ₃)	1,44	60,48	Bổ sung vào bể thiếu khí khi bị thiếu dinh dưỡng và pH giảm
2	Nước Javen (NaOCl)	0,48	20,16	Khử trùng
3	Dung dịch Natri hydroxit (NaOH)	0,2	8,4	Xử lý khí thải
4	PAC	50	2100	Xử lý nước thải

5	Fe ³⁺	0,5	21	Xử lý nước thải
---	------------------	-----	----	-----------------

b) Nhu cầu sử dụng nước

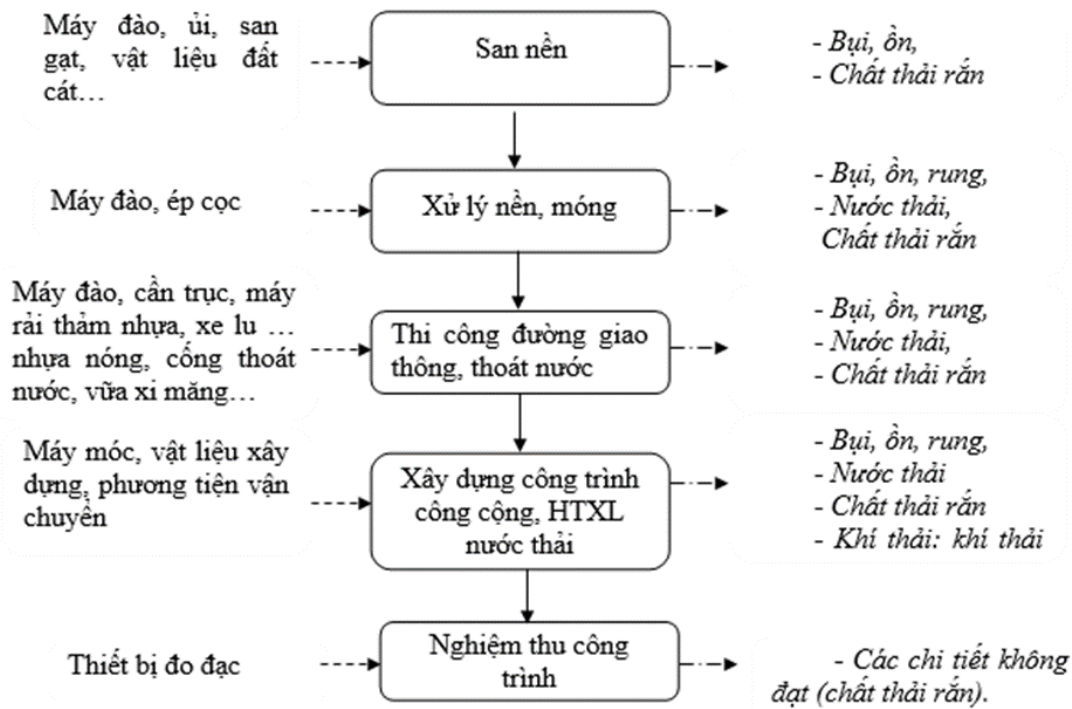
Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của Dự án:

Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước giai đoạn vận hành

Chức năng	Quy mô		Chỉ tiêu		Nhu cầu dùng nước (m ³ /ng.đ)
		Đơn vị		Đơn vị	
Đất ở	216	người	160	l/người/ngđ	34,56
Đất cây xanh	1.318,6	m ²	3	l/m ² /ngđ	3,96
Đất hạ tầng kỹ thuật	50	m ²	2	l/m ² /ngđ	0,1
Đất giao thông	7.230,9	m ²	0,4	l/m ² /ngđ	2,89
Tổng					41,51
Thất thoát, rò rỉ				12%	4,98
Nhu cầu dùng nước ngày trung bình					46,49
Nhu cầu dùng nước ngày lớn nhất				1,2	55,79

Nguồn: Thuyết minh quy hoạch 1/500 của dự án

4. Biện pháp thi công



Hình 2. Quy trình thi công xây dựng

2. Đánh giá tác động và đề xuất biện pháp giảm thiểu

2.1. Đánh giá tác động

- Giai đoạn xây dựng:

Tác động	Giai đoạn	
	<i>Giai đoạn triển khai xây dựng</i>	<i>Giai đoạn vận hành thử nghiệm và hoạt động chính thức</i>
Nguồn tác động liên quan đến chất thải	<i>Đối với môi trường không khí:</i>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động của hoạt động đào đắp thi công nền móng. - Tác động của hoạt động vận chuyển vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động khí thải từ hoạt động đun nấu. - Tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông. - Tác động do mùi hôi từ các khu vực tập kết CTR và trạm XLNT. - Tác động do khí thải từ máy phát điện dự phòng.
	<i>Đối với môi trường nước:</i>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động do nước thải sinh hoạt. - Tác động do nước thải xây dựng. - Nước mưa chảy tràn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động do nước thải sinh hoạt, nước thải từ các công trình dịch vụ, công cộng - Tác động nước mưa chảy tràn.
Nguồn tác động không liên quan đến chất thải	<i>Đối với chất thải rắn:</i>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động do CTR sinh hoạt; - Tác động do CTR xây dựng; - Tác động do chất thải nguy hại 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động do CTR sinh hoạt. - Tác động do CTR thông thường khác - Tác động do chất thải nguy hại
Tác động các rủi ro, sự cố	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động của việc chiếm dụng đất, giải phóng mặt bằng. - Tác động do tiếng ồn, độ rung. - Tác động đến tài nguyên sinh học. - Tác động đến mực nước và chất lượng nước dưới đất. - Tác động đến kinh tế xã hội - Tác động đến các công trình xung quanh khu vực dự án - Tác động hoạt động giao thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động do tiếng ồn khu dân cư, trạm biến áp. - Tác động đến công trình, dự án lân cận. - Tác động đến trật tự an ninh xã hội, an toàn giao thông tại khu vực và đời sống văn hóa.
	<ul style="list-style-type: none"> - Sự cố ngập úng. - Sự cố sụt lún công trình. - Sự cố cháy nổ. - Sự cố về điện, sét đánh. - Sự cố tai nạn lao động. - Sự cố tai nạn giao thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự cố do cháy nổ. - Sự cố sụt lún công trình, ngập úng. - Sự cố trong quá trình vận hành HTXLNT. - Sự cố trạm biến áp. - Sự cố liên quan đến an toàn giao

Tác động	Giai đoạn	
	<i>Giai đoạn triển khai xây dựng</i>	<i>Giai đoạn vận hành thử nghiệm và hoạt động chính thức</i>
		thông. - Sự cố hệ thống cấp nước

Các tác động của Dự án:

STT	Nguồn gây tác động	Tác động phát sinh	Yếu tố môi trường bị ảnh hưởng	Phạm vi chịu ảnh hưởng
1	Hoạt động sinh hoạt của dân cư	- Chất thải rắn sinh hoạt - Chất thải nguy hại - Nước thải sinh hoạt - Khí thải từ quá trình đun nấu	- Môi trường đất, nước, không khí	Trên mặt bằng dự án
2	Hoạt động sinh hoạt của nhân viên QBL khu dân cư	- Chất thải rắn sinh hoạt - Nước thải sinh hoạt	- Môi trường đất, nước	Trên mặt bằng dự án
3	Hoạt động của các phương tiện giao thông	Tiếng ồn, khí thải CO, CO ₂ , SO ₂ , NO _x	Môi trường không khí	Phạm vi dự án và đường liên xã
4	Hoạt động của máy phát điện dự phòng	Khí thải (CO, CO ₂ , SO ₂ , NO _x)	Môi trường không khí	Khu vực đặt máy phát điện
5	Hoạt động của các công trình dịch vụ	- Nước thải - CTR từ việc chăm sóc cây xanh	Môi trường đất, nước	Trên mặt bằng dự án
6	Hoạt động từ các công trình BVMT	- Mùi hôi từ khu tập kết rác, HTXL nước thải tập trung - Bùn thải từ bể tự hoại, HTXL nước thải tập trung	Môi trường đất, nước	Trên mặt bằng dự án

2.2. Biện pháp giảm thiểu

2.4.1. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải

a) Thu gom và xử lý nước thải trong giai đoạn xây dựng

❖ Nước mưa chảy tràn

Làm mương, rãnh thoát nước tạm thời có song chắn rác xung quanh khu vực công trường và thường xuyên khơi thông dòng chảy.

Thu gom triệt để toàn bộ các chất thải từ quá trình xây dựng và chất thải sinh hoạt của công nhân để đảm bảo nước không bị tắt nghẽn, ứ đọng.

❖ *Nước thải sinh hoạt*

Yêu cầu nhà thầu xây dựng trang bị nhà vệ sinh di động nhằm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân.

Định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

❖ *Nước thải xây dựng*

Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị thi công được thu gom vào các hố lắng tạm bằng cách sử dụng máy bơm nước từ khu vực phát sinh nước thải vào hố lắng tạm. Bụi, cát, đá... có trong nước thải sẽ lắng xuống đáy hố. Sau khi được lắng cặn từ 3 - 4 ngày nước thải sẽ được tái sử dụng cho các hoạt động xây dựng như tưới ẩm giảm bụi trên công trường, không thải ra ngoài môi trường.

b) Thu gom và xử lý nước thải trong giai đoạn hoạt động

❖ *Nước mưa chảy tràn*

Hệ thống thoát nước mưa của dự án được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải;

Nạo vét định kỳ mương thoát nước trong khu vực dự án, khơi thông cống rãnh.

❖ *Nước thải sinh hoạt*

Hệ thống thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải tại dự án được xử lý cục bộ từ trong các hầm tự hoại trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ được thu gom về HTXL nước thải trap trung công suất 42 m³/ngày.đêm để xử lý triệt để đạt QCVN14:2008/BTNMT, cột B. Quy trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý: nước thải → bể điều hòa + bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể chứa nước trung gian → bồn lọc → khử trùng → môi trường.

2.4.2. Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải

a) Thu gom và xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn xây dựng

Các phương tiện chuyên chở vật liệu thi công đều phải đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi rớt vật liệu; dọn dẹp đất đá, vật liệu rơi vãi, không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép; lập kế hoạch bố trí phương tiện ra vào tập kết vật liệu thi công phù hợp.

Các phương tiện, máy móc thi công cơ giới trên công trường đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; bố trí thời

gian thi công phù hợp, tưới nước giảm bụi; che chắn khu vực thi công, trang bị bảo hộ lao động.

Lập kế hoạch thi công và cung cấp vật tư thích hợp, hạn chế việc tập kết vật tư vào cùng một thời điểm, xây dựng lưới bao quanh công trình, tiến hành phun nước đường vận chuyển và các khu vực chế biến vật liệu xây dựng.

Các phương tiện máy móc, thiết bị thi công sẽ được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.

Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (đề xuất sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh 0,05%).

Tuân thủ các quy định về an toàn lao động. Công nhân làm việc tại công trường được sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động như: găng tay, khẩu trang, kính phòng hộ mắt.

Giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình hàn lắp thiết bị, máy móc:

Lựa chọn máy hàn có đủ công suất thực hiện công tác hàn phù hợp với các chi tiết.

Trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp như: nón bảo hộ, mặt nạ hàn, mắt kính, găng tay... nhằm hạn chế ảnh hưởng xấu đến công nhân.

Giảm thiểu tác động Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình trải thảm nhựa đường:

Trước khi trải thảm bê tông nhựa, đơn vị thi công sẽ sử dụng xe tưới nước để giảm bụi khuếch tán ra môi trường xung quanh.

Sử dụng loại nhựa đường có chất lượng tốt.

b) Thu gom và xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn hoạt động

Đường nội bộ được trải nhựa để tránh bụi phát tán.

Tiến hành phun nước trên đường vào mùa nắng để giảm bụi phát tán.

Trồng cây xanh tại khu vực dự án để cải thiện môi trường không khí.

Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng.

Sử dụng máy phát với chế độ vận hành an toàn, trong công suất cho phép.

Máy phát điện sẽ được định kỳ bảo dưỡng, bảo trì để đảm bảo hiệu suất cao.

Biện pháp giảm thiểu mùi hôi và khí thải từ quá trình lưu chứa chất thải sinh hoạt.

Xử lý mùi từ hệ thống xử lý nước thải.

Thu gom chất thải thường xuyên.

Phun hóa chất khử mùi.

2.4.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn xây dựng

Chất thải rắn sinh hoạt: Chủ dự án sẽ trang bị tại công trường 02 thùng chứa loại 120 lít. Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt này sẽ được hợp đồng hoặc thỏa thuận với đơn vị thu gom địa phương, theo định kỳ đến khu vực đặt thùng chứa, vận chuyển chất thải đem đi xử lý theo đúng quy định của địa phương.

Chất thải rắn trong quá trình tháo dỡ, thu dọn, đào đắp thi công nền móng.

Đối với chất thải rắn (thực vật) từ quá trình phát quang như: Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công thu gom trong quá trình phát sinh, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý lượng chất thải này đúng quy định.

Đất đào dư thừa được tận dụng làm đất đắp cho diện tích cây xanh.

Xà bần từ quá trình xây dựng công trình như bê tông, xà bần, gạch vỡ, vữa hồ hư sẽ được tận dụng cho quá trình san nền, không đổ bừa bãi trong khu vực dân cư xung quanh.

Đối với chất thải rắn tái sử dụng khác như sắt, thép vụn, tôn, vật dụng bằng nhựa, dây điện... sẽ được thu gom và được bán lại cho các đơn vị thu gom phế liệu.

Các loại chất thải không thể tận thu sẽ được đưa về khu vực kho chứa chất thải trong khu vực công trường xây dựng và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại:

Các chất thải không có khả năng tái chế như bê tông, xà bần, gạch vỡ, vữa hồ hư... sẽ được tận dụng để san ủi mặt bằng.

Các loại chất thải xây dựng có khả năng tái chế như: sắt thép dư, bao bì còn sử dụng được sẽ được bán lại cho các đơn vị thu gom phế liệu.

Các loại chất thải không tái chế được như cao su, bao bì, ni lông, đệm mút lót hư ... được hợp đồng thu gom với đơn vị thu gom tại địa phương đem đi xử lý; lưu chứa tại điểm tập trung chất thải tại công trường và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn hoạt động

Toàn bộ rác sinh hoạt sẽ được thu gom và tiến hành phân loại tại nguồn; rác thải thu gom theo từng khu vực và chứa trong các thùng chứa chuyên dụng dung tích 60 – 660 lít.

Hàng ngày, rác sinh hoạt được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.2. Giám sát môi trường

Trong quá trình hoạt động dự án chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, CTR sinh hoạt, lưu lượng nước thải sinh hoạt tối đa là 42 m³/ngày. Dự án không thuộc danh mục phải quan trắc định kỳ quy định tại Phụ lục XXVIII Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Do đó căn cứ theo Khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII, Nghị định 08/2022/NĐ-CP dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và không phải quan trắc nước thải định kỳ. Nội dung này báo cáo chỉ đề xuất chương trình quan trắc môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm cụ thể như sau:

- Thời gian quan trắc: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.
- Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí mẫu đầu vào tại bể thu gom và 01 vị trí tại bể chứa nước thải sau xử lý của hệ thống.
- Thông số: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng Coliforms
- Số lượng mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào; 03 mẫu nước thải đầu ra.
- Loại mẫu: mẫu đơn